TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-PT
Ngày 26-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Bích Diệp

Bà Nguyễn Minh Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng*:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng;

Do Bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2024 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 11/TB-TA ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ trụ sở: Tháp A, số 194 Trần D, quận C, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc D, Phó Giám đốc F nhánh AHải Phòng; ông Nguyễn Đại T, Giám đốc Phòng giao dịch A Thủy Nguyên; bà Nguyễn Thu H, Phó trưởng phòng quản lý rủi ro F nhánh A Hải Phòng đại diện theo uỷ quyền (Quyết định ủy quyền số 340/QĐ-A ngày 16/2/2022); Ông T và bà H có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Từ Thị Kim F, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 72/181 đường HV, phường SD, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Đức H; địa chỉ: Thôn TK, xã P huyện G, thành phố Hà Nội; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Tuấn T; địa chỉ: Thôn ĐT, xã NĐ, huyện KT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Từ Thị Kim F và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Tuấn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh Hải Phòng (sau đây viết tắt là A Hải Phòng) trình bày:*

+ Ngày 23/11/2015, A Hải Phòng đã ký các hợp đồng tín dụng cho bà Từ Thị Kim F vay tổng số tiền là 4.800.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 379A/2015/HĐTD cho vay 4.000.000.000 đồng; thời gian vay vốn: 144 tháng kể từ ngày khách hàng rút khoản vốn đầu tiên (từ ngày 24/11/2015 đến ngày 24/11/2027; mục đích vay: T toán tiền nhận chuyển nhượng nhà ở; lãi suất vay áp dụng lãi suất thỏa thuận, thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ tháng giải ngân đầu tiên; ngày điều chỉnh lãi suất cho vay là ngày 01 tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất. Khoản vay này theo Gói tín dụng "An gia lập nghiệp", được áp dụng lãi suất ưu đãi 8,5%/năm trong vòng 24 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân lần đầu. Hết kỳ hạn 24 tháng, áp dụng mức lãi suất cho vay thông thường cùng kỳ hạn theo quy định hiện hành của BIDV. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Nếu trong thời hạn cho vay phát sinh nợ quá hạn thì lãi suất nợ quá hạn sẽ được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn. Hết thời hạn cho vay, áp dụng lãi suất nợ quá hạn cố định bằng 150% lãi suất trong hạn (đã được điều chỉnh nếu có) tại thời điểm kết thúc thời hạn cho vay.

2. Hợp đồng tín dụng số 379B/2015/HĐTD cho vay 800.000.000 đồng; thời gian vay vốn: 84 tháng kể từ ngày khách hàng rút khoản vốn đầu tiên (từ ngày 24/11/2015 đến ngày 24/11/2022); mục đích vay tiêu dùng, mua sắm đồ nội thất; lãi suất trong hạn theo lãi suất thỏa thuận, thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ tháng giải ngân đầu tiên; ngày điều chỉnh lãi suất cho vay là ngày 01 tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất (tại thời điểm giải ngân là 11%/năm); lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Nếu trong thời hạn cho vay phát sinh nợ quá hạn thì lãi suất nợ quá hạn sẽ được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn. Hết thời hạn cho vay, áp dụng lãi suất nợ quá hạn cố định bằng 150% lãi suất trong hạn (đã được điều chỉnh nếu có) tại thời điểm kết thúc thời hạn cho vay.

+ Để đảm bảo cho các khoản vay, bà Từ Thị Kim F đã ký các Hợp đồng thế chấp bất động sản số 380/2015/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 381/2015/HĐTC ngày 23/11/2015; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 546 tờ bản đồ số 05 tại xã DT, huyện AD, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 103642 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02444 QSDĐ ngày 31/12/2004 cấp cho ông Đinh Văn Thịnh; đăng ký biến động sang tên bà Từ Thị Kim F (tài sản riêng) ngày 18/11/2015.

+ Sau khi ký hợp đồng tín dụng, A Hải Phòng đã giải ngân đúng hạn; bà F đã thực hiện nghĩa vụ trả được 14 kỳ nợ gốc là 595.200.000 đồng (trong đó khoản vay mua nhà trả 433.200.000 đồng, khoản vay tiêu dùng đã trả 152.000.000 đồng); nợ lãi là 533.879.685 đồng (trong đó khoản vay mua nhà trả 427.491.657 đồng; khoản vay tiêu dùng đã trả 106.388.028 đồng). Từ tháng 04/2017, bà F đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đôn đốc nhưng không có kết quả nên khoản vay này đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

Do đó, A Hải Phòng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Từ Thị Kim F phải T toán các khoản nợ tính đến hết ngày 18/10/2023 gồm:

1. Nợ gốc là 4.204.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.945.704.523 đồng và lãi quá hạn: 512.269.714 đồng, tổng là 7.662.774.237 đồng; cùng toàn bộ tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi T toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

2. Trường hợp bà F không trả được nợ thì A Hải Phòng đề nghị phát mại và xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì bà F vẫn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi T toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

- Bị đơn là bà Từ Thị Kim F đã được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng đều không có mặt theo giấy triệu tập, chỉ gửi văn bản xin gia hạn thời hạn trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng sau đó vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình xét xử mà không đưa ra lý do chính đáng, không hợp tác cung cấp chứng cứ cho Toà án mà chỉ gửi rất nhiều Đơn khiếu nại đối với các hành vi tố tụng của thẩm phán trực tiếp giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Tuấn T trình bày:

Ngày ngày 16/9/2021, bà F với ông T ký hợp đồng thuê lại căn nhà trên thửa đất số 546 tờ bản đồ số 05 tại xã DT, huyện AD, thành phố Hải Phòng đang thế chấp tại Ngân hàng, ông T đã trả cho bà F 360.000.000 đồng (tương ứng với 6.000.000 đồng/tháng). Nay, ông đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng thuê bất động sản trên và buộc bà F phải trả ông số tiền thuê nhà còn lại tính từ ngày

16/9/2023 và các F phí sửa chữa, cải tạo là 15.000.000 đồng. Ông T cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu độc lập của ông trong cùng vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng.

- Bà Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu 4, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Hải Phòng cũng gửi đơn ngày 25/9/2023 đề nghị Tòa án giải quyết việc bà H1 thuê tầng 2,3 đối với nhà căn nhà trên thửa đất số 546 tờ bản đồ số 05 tại xã DT, huyện AD, thành phố Hải Phòng nói trên; buộc bà Từ Thị Kim F trả lại số tiền thuê nhà đã nhận.

** Tại Bán án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 18/10/2023 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng đã quyết định*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Từ Thị Kim F phải trả cho A Hải Phòng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 18/10/2023 là 7.662.774.237 đồng, trong đó: Nợ gốc: 4.204.800.000 đồng; lãi trong hạn: 2.945.704.523 đồng và lãi quá hạn: 512.269.714 đồng.

Trường hợp bà Từ Thị Kim F không T toán hoặc T toán không đầy đủ khoản nợ trên thì A Hải Phòng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ trả lãi, quyết định về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Từ Thị Kim F và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Tuấn T kháng cáo toàn bộ bản án; đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm,*

- Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn trình bày: Toà án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng khi không gửi trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn mặc dù bị đơn thường xuyên có mặt tại địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng, do đó bị đơn không có thông tin để bảo vệ các quyền lợi của mình trước toà. Bị đơn có vay 03 tỷ đồng để mua nhà, đất thửa số 546 tờ bản đồ số 05 tại xã DT, huyện AD qua sự giới thiệu của ông Vũ Văn Thắng, nhưng không biết vay của Ngân hàng nào, việc trả lãi vay hàng tháng bị đơn chỉ đạo kế toán của mình chuyển khoản cho Ngân hàng, số điện thoại ghi trong hợp đồng tín dụng không phải của bị đơn. Sau khi nhận được bản án sơ thẩm do Tổ trưởng dân phố chuyển đến thì bị đơn mới biết BIDV Hải Phòng đòi nợ gốc vay là 4,8 tỷ đồng. Bị đơn không vay số tiền 800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 379B/2015/HĐTD ngày 23/11/2015, không ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 381/2015/HĐTC ngày 23/11/2015, không quen biết và không mua thiết bị nội thất của ông Phạm Văn T; các chữ ký trong chứng từ uỷ

nhiệm F cho người thụ hưởng là ông Vũ Văn Thắng và ông Phạm Văn T, một số chữ ký nháy chân trang trong hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất số 546 tờ bản đồ số 05 tại xã DT, huyện AD cũng không phải của bị đơn; đề nghị giám định chữ ký của bị đơn tại hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 381/2015/HĐTC ngày 23/11/2015, cùng chữ ký tại Bảng kê rút ngày 24/11/2015 (theo hợp đồng tín dụng số 379B/2015/HĐTD ngày 23/11/2015).

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Toà án cấp sơ thẩm không thụ lý các yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Thu H1 và ông Vũ Tuấn T là chưa phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sai sót này không làm mất đi quyền lợi của bà H1 và ông T, họ vẫn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để bảo vệ quyền lợi của mình.

+ Ông T kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 dù đã được triệu tập hợp lệ; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 396 và khoản 2 Điều 312 để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông T.

+ Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Bị đơn đề nghị ngừng phiên tòa để giám định trong khi nguyên đơn không đồng ý là không cần thiết. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự "tranh chấp hợp đồng tín dụng"; bị đơn là bà Từ Thị Kim F cư trú tại phường SD, quận H, thành phố Hải Phòng, sau khi Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm thì bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Xét Đơn kháng cáo của bà Từ Thị Kim F và ông Vũ Tuấn T gửi trong thời hạn luật định; có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét. Tại phiên tòa, ông T là người kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 dù đã được triệu tập hợp lệ; căn cứ khoản 3 Điều 396 và khoản 2 Điều 312, Hội đồng xét xử đình chỉ xét kháng cáo của ông T.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa thể hiện: Ngày 23/11/2015 A Hải Phòng đã ký Hợp đồng tín dụng số 379A/2015/HĐTD và Hợp đồng tín dụng số 379B/2015/HĐTD cho bà Từ Thị Kim F vay số tiền gốc 4.800.000.000 đồng, mục đích vay để mua nhà và sắm trang thiết bị, đồ dùng sinh hoạt; lãi suất thoả thuận được ghi nhận trong từng hợp đồng tín dụng. Xét các hợp đồng tín dụng trên có chữ ký của bà Từ Thị Kim F (bên vay) với đại diện theo ủy quyền của A Hải Phòng (bên cho vay) có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Phía A Hải Phòng đưa ra quan điểm và cung cấp tài liệu để chứng minh đã giải ngân đầy đủ theo đúng cam kết; bà Từ Thị Kim F đã trả nợ được 14 kỳ (cả gốc và lãi) nhưng từ kỳ trả nợ tháng 04/2017 đã vi phạm nghĩa vụ, chậm trả nợ đến hạn, A Hải Phòng đã đôn đốc không có kết quả nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì nếu bà F vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến hạn thì A Hải Phòng có quyền khởi kiện đòi số tiền nợ gốc và nợ lãi là phù hợp với các điều 463, 466 Bộ luật dân sự; các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng. Số liệu tính toán mà BIDV Hải Phòng đưa ra về nợ gốc là 4.204.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.945.704.523 đồng, nợ lãi quá hạn là 512.269.714 đồng, tổng bằng 7.662.774.237 đồng, nhưng bà F không thừa nhận vay số tiền gốc 4.800.000.000 đồng, chỉ thừa nhận nợ số tiền vay của ông Vũ Văn Thắng để mua nhà 3.000.000.000 đồng tiền gốc.

[5] Đối với việc bà F chỉ nhận vay 03 tỷ đồng nhưng không biết vay của ngân hàng nào, không ký hợp đồng vay số tiền 800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 379B/2015/HĐTD ngày 23/11/2015, không ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 381/2015/HĐTC ngày 23/11/2015. Xét tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện: Hợp đồng tín dụng 379A/2015/HĐTD ghi nhận số tiền vay phải trả hàng tháng là 144 kỳ (nợ gốc mỗi kỳ phải trả 27.700.000 đồng, nợ lãi trả tùy theo số ngày của từng tháng); Hợp đồng tín dụng số 379B/2015/HĐTD ghi nhận số tiền vay phải trả hàng tháng là 84 kỳ (nợ gốc mỗi kỳ phải trả 9.500.000 đồng, nợ lãi trả tùy theo số ngày của từng tháng); bà F đã trả được 14 kỳ tiền gốc lãi theo thông báo của A Hải Phòng gửi cho bà F, từng thông báo đều ghi rõ số tiền nợ gốc và nợ lãi phải trả theo đúng 02 hợp đồng tín dụng nói trên. Như vậy, bà F buộc phải biết là mình đang vay và trả tiền theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký, không có cơ sở chấp nhận lời khai của bà F là chỉ ký vay 03 tỷ theo 01 hợp đồng. Việc người có học vị cao và chủ sở hữu một số cơ sở giáo dục tư nhân như bà F nhưng lại trình bày là khi ký các thủ tục vay tiền ngân hàng thì không biết vay của ngân hàng nào và vay bao nhiêu; thừa nhận có chỉ đạo kế toán của mình chuyển tiền trả lãi hàng tháng theo thông báo của ngân hàng nhưng không biết chuyển tiền cho ai, chuyển bao nhiêu tiền là mâu thuẫn. Trong trường

hợp này, bà F không chứng minh mình bị cưỡng ép nên theo quy định của pháp luật bà F buộc phải biết và phải chịu trách nhiệm đối với các hành vi và chữ ký của mình.

[6] Tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện sau khi ký hợp đồng tín dụng A Hải Phòng đã giải ngân số tiền 04 tỷ đồng cho ông Vũ Văn Thắng (người cho bà F vay tiền mua nhà) và ông Phạm Văn T (người mà bà F ký mua trang thiết bị nội thất) theo chỉ định của bà F tại các chứng từ uỷ nhiệm F ngày 24/11/2015 do A Hải Phòng phát hành. Mặt khác, khi trả nợ hàng tháng bà F biết số tiền nợ gốc và nợ lãi theo từng hợp đồng tín dụng đã ký; từ tháng 4/2017 đến khi Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, nếu bà F không biết rõ các khoản vay nợ này thì tại sao không đến ngân hàng để hỏi rõ và bàn bạc kế hoạch xử lý là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo quy định của pháp luật. Việc A Hải Phòng trình bày đã nhiều lần gửi thông báo đôn đốc đến địa chỉ bà F ghi trong hợp đồng nhưng không có kết quả là có căn cứ, bởi lẽ: Bà F khai vẫn ở tại địa chỉ ghi trong hợp đồng; quá trình xét xử sơ thẩm, Toà án cũng gửi các văn bản tố tụng đến địa chỉ trên bà F không nhận trực tiếp nhưng vẫn biết để gửi đơn khiếu nại, kiến nghị là thể hiện thái độ không hợp tác, vi phạm nghĩa vụ chứng minh của đương sự. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được để xét xử vắng mặt bà F trong trường hợp này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà F đề nghị giám định chữ ký của mình tại hợp đồng thế chấp số 381/2015/HĐTC ngày 23/11/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 24/11/2015, đồng thời trình bày mình không quen biết, không mua thiết bị nội thất của ông Phạm Văn T, không thừa nhận các chữ ký trong chứng từ uỷ nhiệm F cho người thụ hưởng là ông Vũ Văn Thắng và ông Phạm Văn T cùng một số chữ ký nháy chân trang trong hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất số 546 tờ bản đồ số 05 tại xã DT, huyện AD. Xét hợp đồng thế chấp tài sản được chứng thực bởi Văn phòng công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại F nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện AD theo đúng quy định của pháp luật, bà F không thừa nhận chữ ký tại các văn bản này là mâu thuẫn. Căn cứ nhận định tại mục [5] và mục [6] vẫn đủ cơ sở kết luận bà F có ký 02 hợp đồng tín dụng vay tiền A Hải Phòng; đã nhận đủ tiền vay và trả lãi được 14 kỳ gốc và lãi; việc bà F đề nghị giám định chữ ký như trên sẽ làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án không cần thiết, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ nhưng phân tích trên, đủ cơ sở kết luận: Bà Từ Thị Kim F vay số tiền gốc 4.800.000.000 đồng, mục đích vay để mua nhà và sắm trang thiết bị, đồ dùng sinh hoạt của A Hải Phòng và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lý do chậm trả nợ của mình là chính đáng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà F đã vi phạm nghĩa vụ chứng minh của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ các tài liệu đã thu thập trong

vụ án để buộc bà F phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện của AHải Phòng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Đối với yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp: Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 380/2015/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 381/2015/HĐTC ngày 23/11/2015 giữa Ngân hàng A và bà Từ Thị Kim F được lập thành văn bản, có chứng thực tại Văn Phòng công chứng Nhân Hòa, thành phố Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai F nhánh huyện AD ngày 23/11/2015; nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật; chủ thể tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; tài sản thế chấp đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ 02 lần nhưng bà F không hợp tác nên bà F phải tự gánh chịu hậu quả do từ chối cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Toà án. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện không có biến động về đăng ký sử dụng đối với tài sản thế chấp. Do đó, việc BIDV Hải Phòng đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà F không trả được nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Đối với yêu cầu độc lập của ông Vũ Tuấn T và bà Phạm Thị Thu H1 về tranh chấp hợp đồng thuê nhà với bà F, nhưng các yêu cầu này được đưa ra sau khi Toà án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần tiến hành các thủ tục thụ lý đơn của ông Vũ Tuấn T và bà Phạm Thị Thu H1 thành các vụ án độc lập, sau đó xem xét nhập vụ án để cùng xét xử hoặc tạm đình chỉ để chờ kết quả giải quyết tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, ông Vũ Tuấn T và bà H1 đều có yêu cầu huỷ hợp đồng thuê nhà ký với bà F và buộc bà F trả lại số tiền thuê nhà đã ứng trước, nên sai sót như trên của Toà án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự, ông T và bà H1 vẫn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác đối với bà F nếu có yêu cầu.

[11] Đối với các khiếu nại, kiến nghị của bà F đối với hành vi tố tụng của thẩm phán cấp sơ thẩm nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng được thụ lý từ tháng 5/2023 và xét xử vào tháng 10/2023 không phải là "thần tốc" hoặc có gì bất thường như bà F đã trình bày.

[12] Căn cứ các nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật

[13] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[14] Các quyết định khác của bán án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 298, 299, 300, 317, 319, 410, 463 và 466 Bộ luật Dân sự; các điều 167, 168, 188 Luật Đất đai 2013; các điều 91 và 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bị đơn bà Từ Thị Kim F, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Từ Thị Kim F phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ gốc là 4.204.800.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 2.945.704.523 đồng; tiền nợ lãi quá hạn là 512.269.714 đồng. Tổng bằng **7.662.774.237** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18/10/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục T toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp bà Từ Thị Kim F không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 103642, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02444, do UBND huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2004 đứng tên ông Đinh Văn Thịnh; đăng ký biến động sang tên bà Từ Thị Kim F (tài sản riêng) ngày 18/11/2015 để thu hồi nợ.

1.3. Về án phí:

- Bà Từ Thị Kim F phải nộp **115.662.774** đồng án phí dân sự sơ thẩm và **300.000** đồng án phí dân sự phúc thẩm, số tiền án phí phúc thẩm bà F đã nộp đủ

theo Biên lai số 0002585 ngày 21/11/2023 của F cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng.

- Ông Vũ Tuấn T phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng đã nộp đủ theo Biên lai số 0002587 ngày 22/11/2023 của F cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền **57.545.000** đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009749 ngày 25/5/2023 của F cục Thi hành án dân sự quận H.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Vũ Tuấn T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận H;
- F cục THADS quận H;
- Các đương sự(để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Hạnh

DANH SÁCH GỬI DỊCH VỤ BƯU CHÍNH

(Bản án số 29/2024/DS-PT ngày 29/